TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 99 /HNGĐ - ST
Ngày 30/10/2023
V/v: Ly hôn tranh chấp về nuôi nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Quán Vi Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thanh.
2. Ông Vi Văn Bốn.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Qùy, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48 /2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn lập ngày 15/9/2023 và tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Quốc T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thủy tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện vào tháng 4 năm 1993 và chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An giải quyết ly hôn với chị Trần Thị T1.

Về con chung: Giữa anh và chị Trần Thị T1 có hai người con chung là Lê Thái T2, sinh ngày 23/5/1994 và Lê Quang V, sinh ngày 07/6/2005. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết giao nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lê Quốc T xác định không có nợ chung.

- Đối với bị đơn chị Trần Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình lấy lời khai chị T1 trình bày chị và anh Lê Quốc T tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương tháng 4 năm 1993 và chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau nên anh chị sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Nay chị T1 nhận thấy giữa chị và anh T không thể hòa thuận để chung sống hạnh phúc được nên chị đồng ý ly hôn với anh Lê Quốc T.

Về con chung: Chị nhất trí với ý kiến của anh T là giữa chị và anh T có hai người con chung. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết giao nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị T1 xác định không có nợ chung.

- Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa:

Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Quốc T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1.

Về con chung: Các con chung của anh chị đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Anh Lê Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc anh Lê Quốc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1 tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 4 năm 1993. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do chung sống không hạnh phúc nên anh Lê Quốc T có đơn xin ly hôn với chị Trần Thị T1. Do đó, vụ án này được xác định là "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn...", theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Trần Thị T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1 chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương trên cơ sở tự nguyện vào tháng 4 năm 1993 và chung sống với nhau như vợ chồng từ đó đến nay mà không làm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Quốc T xin được ly hôn với chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị T1 cũng đồng ý. Do chị Trần Thị T1 và anh Lê Quốc T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng các điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1 có hai người con chung là Lê Thái T2, sinh ngày 23/5/1994 và Lê Quang V, sinh ngày 07/6/2005. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội anh Lê Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14; 15; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Quốc T và chị Trần Thị T1 là vợ chồng.

Về án phí: Anh Lê Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ do đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0007120 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Anh Lê Quốc T đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo: Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Quán Vi Tuấn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Quỳ Hợp;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳ Hợp;*
- *UBND thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS vụ án;*